UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
LIÊN SỞ XÂY DỰNG - TÀI CHÍNH

Số: 06/SXD-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 10 tháng 7 năm 2023

CÔNG BỐ
Giá vật liệu xây dựng tháng 6 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09-02-2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09-02-2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31-8-2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 21-10-2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng công trình; quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ thông tin giá cả thị trường, căn cứ báo giá của các đơn vị sản xuất, cung cấp vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, Liên Sở Xây dựng - Tài chính Hải Dương tổng hợp và công bố giá vật liệu xây dựng phổ biến, bình quân trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong tháng 6 năm 2023 như sau:

1. Giá vật liệu xây dựng công bố chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, được công bố trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá phổ biến, bình quân trên địa bàn tỉnh Hải Dương; đăng ký thông tin phục vụ công bố giá; mức giá niêm yết của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh. Một số loại vật liệu có địa điểm giao hàng, điều kiện giao hàng được thông tin chi tiết trong bảng giá.

2. Giá vật liệu xây dựng được công bố gồm:

- Bảng 1: Giá vật liệu xây dựng phổ biến, bình quân tại nơi tiêu thụ tập trung, trung tâm các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Bảng 2: Thông tin giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

3. Ngoài các chủng loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình tại khoản 2 công bố này, giá các mặt hàng vật liệu xây dựng, thiết bị công trình khác giữ nguyên như trong Công bố giá số 04/SXD-STC ngày 15-5-2023 và Công bố giá số 05/SXD-STC ngày 09-6-2023 (do không có biến động về giá).

4. Chủ đầu tư sử dụng giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình được công bố làm cơ sở xác định tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng hoặc tổ chức xác định giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình phù hợp với: yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công, địa điểm xây dựng, kế hoạch thực hiện cụ thể của công trình và chịu trách nhiệm về

việc sử dụng giá vật liệu trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng giá không phù hợp thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1.2.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31-8-2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có biến động về giá, đề nghị gửi thông tin về Sở Xây dựng để được xem xét, hướng dẫn cụ thể./.

KT. GIÁM ĐỐC **SỞ TÀI CHÍNH** **PHÓ GIÁM ĐỐC**	**KT. GIÁM ĐỐC** **SỞ XÂY DỰNG** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM SỞ XÂY DỰNG TỈNH HẢI DƯƠNG
Nguyễn Đồng Kim	**Nguyễn Trọng Hải**

Nơi nhận:
- Bộ Xây dựng;
- UBND tỉnh Hải Dương;
- Các Sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Xây dựng;
- Cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng;
- Lưu: SXD, STC.

Bảng 1: Giá vật liệu tại nơi tiêu thụ tập trung, trung tâm các huyện, thành phố, thị xã

(Kèm theo Công bố giá số 06/SXD-STC ngày 10-7-2023 của Liên Sở Xây dựng - Tài chính Hải Dương)

I.VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHỦ YẾU

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	TÊN VẬT LIỆU QUY CÁCH PHẨM CHẤT	ĐV tính	Hải Dương	Gia Lộc	Tứ Kỳ	Ninh Giang	Thanh Miện	Bình Giang	Cẩm Giàng	Nam Sách	Thanh Hà	Chí Linh	Kim Thành	Kinh Môn
1	Gạch xây tuy nen 2 lỗ loại 1	1000v	1.050	1.050	1.030	1.050	1.050	1.050	1.030	1.020	1.050	1.020	1.020	1.020
2	Gạch xây tuy nen đặc loại 1	-	1.300	1.300	1.270	1.300	1.300	1.300	1.280	1.270	1.300	1.300	1.270	1.270
3	XM PCB30 Hoàng Thạch	tấn	1.400	1.405	1.410	1.425	1.425	1.425	1.405	1.385	1.390	1.365	1.360	1.350
4	XM PCB40 Hoàng Thạch	tấn	1.420	1.425	1.430	1.445	1.445	1.445	1.425	1.405	1.410	1.385	1.380	1.370
5	XM PCB30 Trung Hải	-	1.020	1.020	1.025	1.040	1.040	1.040	1.020	1.000	1.005	1.000	990	970
6	XM PCB40 Phúc Sơn	-	1.318	1.323	1.328	1.343	1.343	1.343	1.323	1.303	1.328	1.303	1.298	1.288
7	XM PCB30 Phúc Sơn	-	1.288	1.293	1.298	1.313	1.313	1.313	1.313	1.273	1.298	1.273	1.268	1.258
8	XM PCB40B Phúc Sơn (rời)	-	1.093	1.093	1.093	1.093	1.093	1.093	1.093	1.093	1.093	1.093	1.033	1.023
9	Bê tông thương phẩm mác 250	m^3	1.020	1.020	1.020	1.050	1.050	1.040	1.020	1.020	1.030	1.040	1.040	1.000
10	Cát vàng mô đun độ lớn M_L>2,0	m^3	520	520	525	535	540	540	520	520	530	520	520	520
11	Cát vàng mô đun độ lớn M_L = 1,5-2,0	-	410	411	412	413	414	415	416	417	418	419	420	421
12	Cát đen mô đun độ lớn M_r = 0,7-1,4	-	195	195	197	204	207	207	195	195	201		190	190
13	Cát đen đắp nền đường	-	177	179	179	188	189	190	177	177	178		173	173
14	Cát đen san lấp mặt bằng	-	166	168	168	177	178	179	166	166	167		162	162
15	Đá 4x6	-	275	276	275	285	287	289	276	273	276	277	271	265
16	Đá 2x4	-	305	306	305	315	317	317	306	303	306	307	301	295
17	Đá 1x2	-	320	321	320	330	332	334	321	318	321	322	316	310
18	Đá xô, kích thước từ 0,5 đến 5	-	230	231	230	240	242	244	231	228	231	232	226	220
19	Đá hộc	-	260	261	260	270	272	274	261	258	261	262	256	250
20	Đá mạt	-	200	201	200	210	212	214	201	198	201	202	196	190
21	Đá 0,5 x 1	-	260	261	260	270	272	274	261	258	261	262	256	250
22	Cấp phối đá dăm loại I (Base)	-	267	268	267	277	279	281	268	265	268	269	263	255
23	Cấp phối đá dăm loại II (Subase)	-	255	256	255	265	267	269	256	253	256	257	246	240

- Đá dăm TCVN 7572-2006, cấp phối đá dăm TCVN 8859:2011, cát đen đắp nền đường ô tô TCVN 4054-2005.
- Bê tông thương phẩm mác 200 giá thấp hơn mác 250 là 50.000 đồng/m^3, bê tông thương phẩm mác 300 giá cao hơn mác 250 là 40.000 đồng/m^3.
- Giá đá hộc áp dụng đối với các công trình thủy lợi, vận chuyển trực tiếp đến chân công trình bằng đường thủy; đối với các công trình còn lại khi sử dụng đá hộc chủ đầu tư tổ chức xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 9 và hướng dẫn tại mục 1.2.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng đảm bảo phù hợp với giá cả thị trường tại thời điểm xây dựng.

II. NHIÊN LIỆU

TT	TÊN VẬT LIỆU, QUY CÁCH PHẨM CHẤT	ĐVT	GIÁ CHƯA VAT (đồng)
	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)		
	Từ 15h00'ngày 01/6/2023		
	Xăng RON 95-V	đ/lít	20.718
	Xăng RON 95-III	đ/lít	20.009
	Diezel 0,05S-II	đ/lít	16.309
	Mazut N°2B (3,5S)	đ/kg	13.527
	Từ 15h00' ngày 12/6/2023		
	Xăng RON 95-V	đ/lít	20.809
	Xăng RON 95-III	đ/lít	20.009
	Diezel 0,05S-II	đ/lít	16.382
	Mazut N°2B (3,5S)	đ/kg	13.373
	Từ 15h00 ngày 21/6/2023		
	Xăng RON 95-V	đ/lít	20.809
	Xăng RON 95-III	đ/lít	20.009
	Diezel 0,05S-II	đ/lít	16.518
	Mazut N°2B (3,5S)	đ/kg	13.255

Bảng 2: Thông tin giá của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

1. Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên

- Thông báo giá ngày 29 tháng 5 năm 2023.
- Thông báo giá ngày 06 tháng 6 năm 2023.
- Thông báo giá ngày 12 tháng 6 năm 2023.
- Thông báo giá ngày 15 tháng 6 năm 2023.
- Thông báo giá ngày 20 tháng 6 năm 2023.

2. Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên

- Quyết định số 302/QĐ-GTTN ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc ban hành giá bán thép hình tại công ty.
- Quyết định số 395/QĐ-GTTN ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc ban hành giá bán thép hình tại công ty.
- Quyết định số 285/QĐ-GTTN ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc ban hành giá bán thép cốt bê tông tại công ty.
- Quyết định số 342/QĐ-GTTN ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc ban hành giá bán thép cốt bê tông tại công ty.
- Quyết định số 382/QĐ-GTTN ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc ban hành giá bán thép cốt bê tông tại công ty.
- Quyết định số 418/QĐ-GTTN ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc ban hành giá bán thép cốt bê tông tại công ty.

3. Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex

Thông báo số 529/CV-PLC.NĐ-TTPC ngày 01 tháng 6 năm 2023 thông báo giá định hướng nhựa đường Petrolimex.

Thông báo số 617/CV-PLC.NĐ-TTPC ngày 20 tháng 6 năm 2023 thông báo giá định hướng nhựa đường Petrolimex.

4. Công ty Cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp

Công văn số 14/VNP/2023 ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương tháng 6 năm 2023.

5. Công ty Cổ phần Công nghệ Bello Việt Nam

Công văn số 06/CV23/BL ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương tháng 6 năm 2023.

6. Công ty Cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn

Công văn số 28/SUHLS-CV ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương tháng 6 năm 2023.

7. Công ty TNHH Deviwas

Công văn số 01/2023-DEVIWAS ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương tháng 6 năm 2023.

8. Công ty Cổ phần Điện và Chiếu sáng An Phú

Công văn số 286-1/APLICO ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương tháng 6 năm 2023.